

# Anh Chàng Ba Quốc Tịch

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Sống ở Bismarck, North Dakota có điều bất tiện là di chuyển bằng đường hàng không mất khá nhiều thì giờ. Tiểu bang North Dakota đất rộng dân thưa, dân chúng chuyên về nghề nông và chuộng di chuyển bằng xe hơi để đi đường xa hơn đi máy bay, và số hành khách dùng máy bay để đi công tác như tôi nhiều hơn số hành khách di chuyển vì lý do riêng tư. Từ phi trường Bismarck, muốn đi đâu thì trước hết phải bay tới một trong hai phi trường lớn: phi trường Minneapolis, Minnesota để chuyển sang chuyến bay tới các thành phố phía đông và phi trường Denver, Colorado để đi về phía tây, ngoại trừ Minneapolis hay Denver là nơi đến. Vì vậy, mỗi tháng đi họp tôi phải đợi hàng nửa buổi tại một trong hai phi trường này để chờ bay về nhà.

Đối với tôi, đó là cái giá nhỏ phải trả để sống ở thành phố Bismarck nhỏ bé hiền hòa. Nơi đây dân chúng hòa nhã niềm nở và hay giúp đỡ, hầu như không có trộm cướp, và không bao giờ bị kẹt xe. Bạn đồng nghiệp ở sở tôi hay nói đùa, “Kẹt xe là khi có hơn năm chiếc xe sắp hàng đợi đèn xanh ở ngã tư.” Nhiều bạn tôi sống ở thành phố lớn phải *commute* (đi lại đều đặn giữa hai nơi) đi làm, có người lái xe mất đến hai tiếng đồng hồ mỗi lượt đi hay về, trong khi tôi đi bộ tới sở không tới mười phút. Buổi trưa tôi về nhà vừa ăn cơm vừa xem *ti-vi* và đôi khi chợp mắt một lát trên ghế *xô-pha* trước khi trở lại làm việc.

Là dân tỵ nạn với vốn liếng Anh ngữ ban đầu không bằng đồng nghiệp người Mỹ, tôi miệt mài làm việc, học hỏi, và nghiên cứu với nỗ lực gấp năm gấp bảy họ. Tôi hăng hái nhận lãnh thêm nhiệm vụ mới để thăng tiến nghề nghiệp và tận dụng sở trường của mình là kiến thức lý thuyết về điện thuật và toán học. Sau gần 20 năm làm việc cho Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU), tôi trở thành một kỹ sư kế hoạch có khả năng hảo hạng trong các lãnh vực thảo chương điện toán dùng FORTRAN (ngôn ngữ dùng tính toán trong các áp dụng khoa học và kỹ thuật), tiên đoán mức dùng điện của khách hàng, và hoạch định hệ thống phát điện tương lai.

Ở Bắc Mỹ, những hệ thống điện nối với nhau thành ba liên mạng hầu như độc lập: Liên mạng Đông, Liên mạng Tây, và Liên mạng Texas (chỉ gồm tiểu bang Texas). Trong mỗi liên mạng, các cơ quan điện lực có khu vực hoạt động gần nhau hợp lại thành tổ hợp để mua bán điện, hợp tác kỹ thuật, và chung vốn đầu tư vào các dự án điện nhằm phục vụ khách hàng hữu hiệu hơn với giá điện rẻ hơn. Công ty tôi nằm trong Liên mạng Đông và là hội viên của Tổ hợp Điện lực Vùng Trung-Lục địa (MAPP).

Tổ hợp MAPP gồm hơn 40 công ty cung cấp điện cho năm tiểu bang Hoa Kỳ và hai tỉnh Gia Nã Đại. MAPP đặt trụ sở tại Minneapolis và hoạt động tùy thuộc phần lớn vào các ủy ban MAPP mà thành viên do những công ty hội viên cử vào. Tôi lần lượt được cử vào một số ủy ban và dần dần giữ chân chủ tịch một ủy ban quan trọng có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn kỹ thuật mà hội viên MAPP phải tuân hành. Nhờ đó, trong vùng MAPP, tôi được nhiều người biết mặt biết tên và quen biết và giao thiệp thường xuyên với nhân viên các công ty khác.

Trong ngành điện lực, danh từ “reliability” (tính đáng tin cậy) chỉ khả năng cung cấp điện liên tục và thỏa mãn cho khách hàng. NERC, tức là North American Reliability Council, đặt trụ sở tại Princeton, New Jersey là “hội đồng” hay cơ quan có nhiệm vụ tìm cách giảm thiểu nguy cơ đe dọa *reliability* của các hệ thống điện trên toàn Bắc Mỹ. Về mặt *reliability*, ba liên mạng Bắc Mỹ chia ra thành mười vùng điện lực mà MAPP là một.

Giữa thập niên 1990, cuộc đời nghề nghiệp của tôi hướng về một chân trời mới khi MAPP cử tôi làm đại diện trong Tiểu ban Thẩm định tính Đáng Tin cậy (viết tắt là RAS) của NERC. RAS khảo sát sự hoạt động của các liên mạng và phúc trình khuyết điểm có thể đưa tới cúp điện trong một khu vực rộng lớn như đã xảy ra ở vùng đông bắc Hoa Kỳ năm 1965. Tiểu ban họp hàng tháng tại các thành phố lớn ở Hoa Kỳ và Gia Nã Đại và mỗi năm ấn hành phúc trình thẩm định *reliability* của mười vùng điện lực cho ba khoảng thời gian khác nhau: mùa hè, mùa đông, và 10 năm (dài hạn) sắp tới. Những phúc trình này được công chúng và báo chí tin dùng và xem là thước đo *reliability* của kỹ nghệ điện lực.

Với kiến thức rộng rãi bao gồm các phạm vi kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế, tôi giúp tiểu ban RAS phân tích và giải quyết những vấn đề liên quan đến chính sách năng lượng quốc gia có thể đưa tới cúp điện quy mô. Tôi có tài viết Anh ngữ cô đọng, chính xác, và đúng văn phạm ít ai bằng nên các bản phúc trình khởi thảo sau khi tôi duyệt lại mang đầy những dấu kẻ xanh đỏ đề nghị sửa đổi. Bạn đồng sự RAS nói, “*Ba Hoa* chỉ trích [phúc trình khởi thảo] thì ắt phải đúng, đừng cãi vô ích.” Đối với họ, tôi còn là kẻ “nhẫn tâm và dai dẳng”: Khi điều tra *reliability* mà thấy có vấn đề gì đáng nghi ngờ tại một hệ thống điện, tôi cật vấn vùng điện lực liên hệ tới kỳ cùng. Cho đến khi vùng điện lực ấy giải thích thỏa đáng hay cam kết sẽ cải thiện hệ thống theo tiêu chuẩn kỹ thuật của NERC.

Tôi đi họp tổ hợp MAPP thì công ty tôi trả chi phí di chuyển và ăn ở, và họp tiểu ban RAS thì MAPP trả chi phí, nhưng việc ở công ty MDU trả lương cho tôi mỗi hai tuần vẫn là bổn phận của tôi. Trước khi đi họp, tôi làm ngày làm đêm cho kịp *deadline* (hạn cuối cùng) của các dự án. Đi họp về, tôi làm thêm giờ để bắt kịp những dự án dồn tới trong khi tôi đi họp, cộng thêm những công tác mới do ủy ban MAPP hay RAS cắt đặt. Tôi bận rộn ngập đầu, chiếc máy điện toán trên bàn làm việc ở nhà ngày đêm nhận điện thư liên quan đến công việc. Mỗi khi tôi vào sở làm việc ban đêm hay cuối tuần, Quỳnh Châu phải gọi điện thoại vào nhắc về nhà trước khi cơm nước nguội lạnh, hay con không chịu đi ngủ đòi ba về “nói *good night*.”

Làm việc vất vả nhưng tôi hãnh diện làm nên sự khác biệt – góp phần giữ điện chạy liên tục đến mọi nhà. Đó là cách duy nhất tôi có thể diễn tả lòng biết ơn sâu xa đối với đất nước đã cưu mang gia đình tôi.

\* \* \*

Một buổi chiều mùa hè cuối thập niên 1990, tôi bay từ Bismarck qua ngã phi trường Denver đến Vancouver, Gia Nã Đại để dự một phiên họp ba ngày của tiểu ban RAS. Tôi đi chuyến bay chiều vì buổi sáng phải dự một phiên họp quan trọng ở sở và hy vọng đến nơi không quá trễ vì giờ Vancouver đi sau Bismarck hai tiếng đồng hồ. Tám giờ tối, phi cơ đáp xuống phi trường, tôi

mệt mỏi ngáp dài mong về tới khách sạn trước giờ đi ngủ thường ngày. Tôi đã đến Vancouver vài lần. Tôi cũng đã nhập cảnh Gia Nã Đại nhiều lần, cả bằng đường bộ lẫn đường hàng không, qua các cửa biên giới khác nhau. Việc đi lại giữa hai nước khá dễ dàng: Đến biên giới, tôi chỉ cần xuất trình bằng lái xe hay giấy tờ chứng minh mình là cư dân Hoa Kỳ, và nhân viên kiểm soát quan thuế và di trú Gia Nã Đại thường chỉ quan tâm đến hai điều sau đây.

Thứ nhất, họ cố cản người nhập cảnh từ Hoa Kỳ mang rượu và thuốc lá quá mức được phép vào Gia Nã Đại bán kiếm lời vì ở đây hai món hàng đó chịu “sin tax” (thuế đánh vào các món hàng “tội lỗi”) rất cao khiến giá hàng cao hơn ở Hoa Kỳ rất nhiều. Thứ hai, họ cố chặn dân Mỹ vào làm việc và lấy việc làm của nhân công Gia Nã Đại vì nơi đây nghiệp đoàn có quyền lực rất lớn và công nhân hưởng quy chế lương bổng và quyền lợi cao hơn ở Hoa Kỳ. Được đồng nghiệp ở sở mách nước từ nhiều năm qua, tôi không mang theo rượu hay thuốc lá, chuẩn bị sẵn tên và địa chỉ một người bạn tại nơi đến, và khi bị hỏi mục đích của chuyến đi, trả lời tỉnh bơ,

“Tôi là du khách sang thăm bạn, ngắm cảnh, và tiêu tiền.”

Thường thì sau không quá vài phút, nhân viên kiểm soát Gia Nã Đại đóng dấu trên tờ khai nhập nội và vẫy tay cho tôi qua. Nhưng lần này, sau khi đánh chi tiết lý lịch của tôi vào máy điện toán, người đàn ông ngồi sau quầy kiểm soát biến sắc mặt nhưng trầm tĩnh nói,

“Vị trưởng trạm có chuyện muốn thảo luận với ông.”

Trưởng trạm kiểm soát là một người đàn bà khoảng trên ba mươi tuổi, dáng mảnh khảnh, và ăn nói dịu dàng. Cô đưa tôi vào văn phòng, yêu cầu xác nhận những chi tiết đã khai, và hỏi,

“Có phải ông có quốc tịch Việt nam?”

“Tôi là công dân Hoa Kỳ. Nguyên thủy tôi là người Việt nam, nhưng năm 1975 sang Hoa Kỳ tỵ nạn chính trị,” tôi bắt đầu chột dạ.

“Chúng tôi không thể cho phép ông nhập cảnh Gia Nã Đại,” giọng cô thoáng một chút khổ tâm.

“Tôi đã vào Gia Nã Đại nhiều lần, tại sao lần này bị cấm cản?” tôi tức giận nói lớn.

“Tôi lấy làm tiếc không thể nói,” cô lắc đầu.

“Tôi vào Gia Nã Đại do quyền đi lại được luật pháp và hiệp ước thông thương của hai nước Hoa Kỳ và Gia Nã Đại bảo vệ. Nếu cô không nói rõ lý do và nêu bằng chứng thì chính cô là người vi phạm luật lệ quốc tế,” tôi mạnh dạn phản đối.

Cô trưởng trạm thấy mình đuối lý nên miễn cưỡng nói, “Mời ông ra trước văn phòng ngồi đợi để tôi xin lệnh cấp trên.” Tôi bỗng nhớ ra câu chuyện Bảo kể vài tháng trước. (Anh là bạn thân của tôi ở trường kỹ sư và chủ trương tạp chí *Xxxx Việt* ở Toronto, Gia Nã Đại; đó là tờ báo chống Cộng mà tôi đã cộng tác mật thiết.) Không dung, anh và vài anh em *Xxxx Việt* bị cơ quan an ninh Gia Nã Đại mời đến thẩm vấn về các vụ biểu tình phản đối trước tòa Đại sứ Việt Cộng (“VC”) ở Ottawa do *Xxxx Việt* tổ chức vào cuối thập niên 1980. Hồi đó, toán biểu tình cầm giặc VC tàn ác đối với đồng bào bên nhà nên có khi đập phá và “chơi bắn” lấy phân trét vào cửa tòa đại sứ. Tôi theo Bảo đi biểu tình ở Ottawa một lần.

Nửa tiếng đồng hồ sau, cô trưởng trạm xuất hiện và mời tôi trở vào văn phòng,

“Tôi được lệnh không tiết lộ lý do cấm ông vào. Ông phải sửa soạn trở về Hoa Kỳ.”

Tôi rúng sợ. Tôi đưa ra tất cả chương trình nghị sự, phúc trình, và tài liệu về RAS; trình bày rành mạch với cô trưởng trạm; và kết luận,

“Phiên họp này rất quan trọng vì hệ thống điện Bắc Mỹ sắp đương đầu với thời điểm mùa hè dân chúng dùng điện cao nhất và có nguy cơ cúp điện hàng loạt. Tiểu ban RAS nhóm họp không thể thiếu tôi.”

“Dường như đó không phải là vấn đề của chúng tôi,” cô cười gượng gạo.

“Tôi sẽ quay về nếu cô viết cho tôi vài chữ nói là cô không cho phép tôi nhập cảnh Gia Nã Đại. Một sự thực không thể chối cãi! Viết tay cũng được, chỉ cần có chữ ký của cô. Sau này, nếu cúp điện xảy ra đâu đó, tôi không chắc nó sẽ hoàn toàn là vấn đề của RAS.”

“Ông làm ơn đợi tôi một lần nữa,” rõ ràng cô bị đặt vào thế khó xử.

Gần 11 giờ đêm (một giờ sáng hôm sau giờ Bismarck), cô trưởng trạm trở lại với nụ cười nhẹ nhõm, trên tay cầm một mẫu đơn,

“Chúng tôi đồng ý cho ông nhập cảnh, nhưng sẽ phạt ông 400 Gia kim.” Số tiền này trị giá khoảng 300 Mỹ kim.

“Cũng được!” tôi đã mệt đừ và không biết làm gì khác hơn là nhận phạt, nhưng không giấu nổi vẻ đắc thắng, “Trên giấy phạt, thế nào cô cũng phải ghi ra duyên cớ; phải không?”

“Chúng tôi đã nghĩ tới điều đó. Bốn trăm Gia kim là lệ phí để ông nộp đơn xin vào công dân thường trú Gia Nã Đại,” cô đưa mẫu đơn cho tôi điền.

Sau khi thu “lệ phí” trả bằng thẻ tín dụng, cấp biên lai, và chụp hình căn cước, cô trưởng trạm cấp cho tôi chứng chỉ công dân thường trú tạm thời có hiệu lực ba tháng. Sáng hôm sau, các bạn đồng sự RAS được một phen cười thỏa thích, và tôi thành “*anh chàng ba quốc tịch*.”

Để được bồi hoàn số tiền “lệ phí” \$300, tôi viết *memo* tường thuật sự việc (không đề cập đến *Xxxx Việt*) và gửi biên lai và bản sao chứng chỉ thường trú kèm theo *expense report* (tờ ghi công tác phí) thường lệ đến MAPP. Từ đó, trong giới MAPP, người ta kể giai thoại tôi bị ép làm công dân Gia Nã Đại làm chuyện cười.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 3 tháng Tư, 2024